

Số: 2806 /QĐ-HVN

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc nâng bậc lương, phụ cấp thâm niên vượt khung đợt 1 năm 2016

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 76/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009; Nghị định số 14/2012/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2012 và Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quy định thực hiện nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung và nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức, viên chức và người lao động được ban hành kèm theo Quyết định số 2484/QĐ-HVN ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2994/QĐ-HVN ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung Quy định thực hiện nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung và nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức, viên chức và người lao động được ban hành kèm theo Quyết định số 2484/QĐ-HVN ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Lương Học viện và theo đề nghị của Trưởng ban Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nâng bậc lương, phụ cấp thâm niên vượt khung đợt 1 năm 2016 cho **157** (một trăm năm mươi bảy) viên chức và người lao động của Học viện có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng ban Tổ chức cán bộ, Trưởng ban Tài chính và Kế toán, Trưởng các đơn vị liên quan và viên chức, người lao động có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ NN và PTNT (để b/c);
- Lưu VT, TC.LT(10)



Nguyễn Thị Lan

DANH SÁCH VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG
ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG, PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG ĐỢT 1 NĂM 2016
(Kèm theo Quyết định số **2806**/QĐ-HVN ngày **15** tháng 9 năm 2016 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

STT	Họ đệm	Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc						Kết quả nâng bậc lương đợt 1 năm 2016						Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/chức danh	Bậc trong ngạch/chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian, tính hưởng/nâng, bậc, PC TNVK lần sau				
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
I Viên chức và người lao động được nâng bậc lương thường xuyên																					
1	Lê Huỳnh Thanh	Phương		1967	Tiến sĩ	01.002	4	5.42			01/2013	01.002	5	5.76			01/2016	6	0.340	2,386,800	
2	Trần Thị Vân	Anh		1984	Đại học	01.003	1	2.34			01/2013	01.003	2	2.67			01/2016	6	0.330	2,316,600	
3	Dương Thị Hồng	Vân		1980	Đại học	01.003	1	2.34			02/2013	01.003	2	2.67			02/2016	5	0.330	1,937,100	
4	Nguyễn Phương	Dung		1986	Đại học	01.003	1	2.34			02/2013	01.003	2	2.67			02/2016	5	0.330	1,937,100	
5	Nguyễn Thị	Tuyết		1985	Thạc sĩ	01.003	1	2.34			05/2013	01.003	2	2.67			05/2016	2	0.330	798,600	
6	Trần Thanh	Hà		1988	Đại học	01.003	1	2.34			01/2013	01.003	2	2.67			01/2016	6	0.330	2,316,600	
7	Nguyễn Thùy	Dung		1986	Thạc sĩ	01.003	2	2.67			05/2013	01.003	3	3.00			05/2016	2	0.330	798,600	
8	Hoàng Thị	Hương		1977	Thạc sĩ	01.003	3	3.00			01/2013	01.003	4	3.33			01/2016	6	0.330	2,316,600	
9	Trần Thị	Giang		1982	Đại học	01.003	3	3.00			05/2013	01.003	4	3.33			05/2016	2	0.330	798,600	
10	Đỗ Thị Thu	Hương		1970	Đại học	01.003	3	3.00			01/2013	01.003	4	3.33			01/2016	6	0.330	2,316,600	
11	Nguyễn Anh	Tuấn	1976		Đại học	01.003	3	3.00			01/2013	01.003	4	3.33			01/2016	6	0.330	2,316,600	
12	Tổng Phương	Anh		1971	Đại học	01.003	4	3.33			01/2013	01.003	5	3.66			01/2016	6	0.330	2,316,600	
13	Bùi Thị Thúy	Hải		1970	Thạc sĩ	01.003	4	3.33			06/2013	01.003	5	3.66			06/2016	1	0.330	399,300	
14	Phan Văn	Đồng	1977		Đại học	01.003	5	3.66			05/2013	01.003	6	3.99			05/2016	2	0.330	798,600	
15	Trần Thị Thanh	Phương		1976	Thạc sĩ	01.003	5	3.66			05/2013	01.003	6	3.99			05/2016	2	0.330	798,600	
16	Nguyễn Thị	Minh		1966	Đại học	01.003	6	3.99			01/2013	01.003	7	4.32			01/2016	6	0.330	2,316,600	
17	Bùi Đạo	Tĩnh		1984	Cao đẳng	01.004	3	2.26			02/2014	01.004	4	2.46			02/2016	5	0.200	1,174,000	
18	Vũ Quang	Vinh	1987		CN-Sơ Cấp	01.007	1	1.65			01/2013	01.007	2	1.83			01/2016	6	0.180	1,263,600	

STT	Họ đệm	Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc						Kết quả nâng bậc lương đợt 1 năm 2016						Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/chức danh	Bậc trong ngạch/chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian, tính hưởng/nâng, bậc, PC TNVK lần sau				
19	Nguyễn Đức	Thiện	1984			01.007	2	1.83			01/2014	01.007	3	2.01			01/2016	6	0.180	1,263,600	
20	Nguyễn Doãn	Lâm	1984		Đại học	01.007	5	2.37			04/2014	01.007	6	2.55			04/2016	3	0.180	642,600	
21	Nguyễn Thị Việt	Hồng		1989	Đại học	01.009	2	1.18			06/2014	01.009	3	1.36			06/2016	1	0.180	217,800	
22	Ngô Thị Hồng	Nhung		1990	Đại học	01.009	2	1.18			06/2014	01.009	3	1.36			06/2016	1	0.180	217,800	
23	Nguyễn Thị	Thơ		1973		01.009	3	1.36			02/2014	01.009	4	1.54			02/2016	5	0.180	1,056,600	
24	Nguyễn Thị	Tuyến		1981		01.009	3	1.36			01/2014	01.009	4	1.54			01/2016	6	0.180	1,263,600	
25	Đặng Thị	Nhung		1990	Trung cấp	01.009	3	1.36			01/2014	01.009	4	1.54			01/2016	6	0.180	1,263,600	
26	Nguyễn Thị Hồng	Điệp	1979			01.009	3	1.36			01/2014	01.009	4	1.54			01/2016	6	0.180	1,263,600	
27	Vũ Thị	Chung		1966		01.009	10	2.62			01/2014	01.009	11	2.80			01/2016	6	0.180	1,263,600	
28	Nguyễn Xuân	Bình	1962		CN-SơCấp	01.010	7	3.13			01/2014	01.010	8	3.31			01/2016	6	0.180	1,263,600	
29	Lê Thị	Xuân		1978	Trung cấp	06.032	3	2.26			04/2014	06.032	4	2.46			04/2016	3	0.200	714,000	
30	Nguyễn Thị	Hoa		1986	Đại học	13.092	1	2.34			01/2013	13.092	2	2.67			01/2016	6	0.330	2,316,600	
31	Nguyễn Văn	Tuyến	1986		Đại học	13.095	1	2.34			03/2013	13.095	2	2.67			03/2016	4	0.330	1,557,600	
32	Vũ Thị	Ngân		1987	Thạc sĩ	13.095	2	2.67			03/2013	13.095	3	3.00			03/2016	4	0.330	1,557,600	
33	Nguyễn Khắc	Năng	1984		Thạc sĩ	13.095	2	2.67			02/2013	13.095	3	3.00			02/2016	5	0.330	1,937,100	
34	Trần Thị	Ánh		1984	Đại học	13.095	2	2.67			02/2012	13.095	3	3.00			05/2016	2	0.330	798,600	Kéo dài 15 tháng
35	Nguyễn Phương	Nhung		1984	Thạc sĩ	13.095	2	2.67			01/2013	13.095	3	3.00			01/2016	6	0.330	2,316,600	
36	Phạm Thị Thu	Hằng		1984	Đại học	13.095	2	2.67			02/2013	13.095	3	3.00			02/2016	5	0.330	1,937,100	
37	Nguyễn Thị Bích	Lưu		1983	Đại học	13.095	2	2.67			02/2013	13.095	3	3.00			02/2016	5	0.330	1,937,100	
38	Phùng Thị	Vinh		1983	Đại học	13.095	2	2.67			06/2013	13.095	3	3.00			06/2016	1	0.330	399,300	
39	Đào Xuân	ánh	1977		Đại học	13.095	2	2.67			03/2013	13.095	3	3.00			03/2016	4	0.330	1,557,600	
40	Nguyễn Thị	Châu		1978	Thạc sĩ	13.095	2	2.67			01/2011	13.095	3	3.00			07/2015	12	0.330	4,593,600	Kéo dài 18 tháng
41	Nguyễn Thị Châu	Giang		1981	Thạc sĩ	13.095	3	3.00			01/2013	13.095	4	3.33			01/2016	6	0.330	2,316,600	
42	Nguyễn Thị Bích	Hồng		1978	Đại học	13.095	4	3.33			01/2013	13.095	5	3.66			01/2016	6	0.330	2,316,600	
43	Trần Thị Thu	Huyền		1977	Đại học	13.095	4	3.33			01/2013	13.095	5	3.66			01/2016	6	0.330	2,316,600	
44	Ngô Thị	Nguyệt		1965	Đại học	13.095	5	3.66			05/2013	13.095	6	3.99			05/2016	2	0.330	798,600	

STT	Họ đệm	Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc						Kết quả nâng bậc lương đợt 1 năm 2016						Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	- Ghi chú
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/ chức danh	Bậc trong ngạch/ chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/ chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau				
45	Nguyễn Thị	Thúy		1966	Đại học	13.095	6	3.99			05/2013	13.095	7	4.32			05/2016	2	0.330	798,600	
46	Ngô Xuân	Nghiễn	1971		Thạc sĩ	13.095	6	3.99			04/2013	13.095	7	4.32			04/2016	3	0.330	1,178,100	
47	Kiều Văn	Viên	1981		Trung cấp	13.096	3	2.26			10/2012	13.096	4	2.46			04/2016	3	0.200	714,000	Kéo dài 18 tháng
48	Trần Danh	Mạnh	1983		Trung cấp	13.096	4	2.46			04/2014	13.096	5	2.66			04/2016	3	0.200	714,000	
49	Ninh Thị	Phíp		1971	Tiến sĩ	15.110	2	4.74			03/2013	15.110	3	5.08			03/2016	4	0.340	1,604,800	
50	Nguyễn Thị Tuyết	Lê		1973	Tiến sĩ	15.110	2	4.74			03/2013	15.110	3	5.08			03/2016	4	0.340	1,604,800	
51	Bùi Văn	Định	1956		Tiến sĩ	15.110	2	4.74			03/2013	15.110	3	5.08			03/2016	4	0.340	1,604,800	
52	Trần Quốc	Vinh	1972		Tiến sĩ	15.110	2	4.74			03/2013	15.110	3	5.08			03/2016	4	0.340	1,604,800	
53	Ngô Trí	Dương	1974		Tiến sĩ	15.110	2	4.74			03/2013	15.110	3	5.08			03/2016	4	0.340	1,604,800	
54	Nguyễn Thị	Diễn		1973	Tiến sĩ	15.110	2	4.74			03/2013	15.110	3	5.08			03/2016	4	0.340	1,604,800	
55	Giang Trung	Khoa	1973		Thạc sĩ	15.110	2	4.74			03/2013	15.110	3	5.08			03/2016	4	0.340	1,604,800	
56	Nguyễn Thị Hoàng	Lan		1972	Thạc sĩ	15.110	2	4.74			03/2013	15.110	3	5.08			03/2016	4	0.340	1,604,800	
57	Nguyễn Thị Thanh	Thùy		1970	Tiến sĩ	15.110	2	4.74			03/2013	15.110	3	5.08			03/2016	4	0.340	1,604,800	
58	Nguyễn Bá	Tiếp	1970		Tiến sĩ	15.110	2	4.74			03/2013	15.110	3	5.08			03/2016	4	0.340	1,604,800	
59	Nguyễn Thanh	Lâm	1968		Tiến sĩ	15.110	2	4.74			03/2013	15.110	3	5.08			03/2016	4	0.340	1,604,800	
60	Kim Văn	Vạn	1972		Tiến sĩ	15.110	2	4.74			03/2013	15.110	3	5.08			03/2016	4	0.340	1,604,800	
61	Nguyễn Xuân	Cử	1974		Thạc sĩ	15.110	2	4.74			03/2013	15.110	3	5.08			03/2016	4	0.340	1,604,800	
62	Nguyễn Quốc	Oánh	1968		Tiến sĩ	15.110	2	4.74			03/2013	15.110	3	5.08			03/2016	4	0.340	1,604,800	
63	Nguyễn Mậu	Dũng	1973		Tiến sĩ	15.110	3	5.08			03/2013	15.110	4	5.42			03/2016	4	0.340	1,604,800	
64	Nguyễn Phương	Lê		1973	Tiến sĩ	15.110	3	5.08			03/2013	15.110	4	5.42			03/2016	4	0.340	1,604,800	
65	Huỳnh Thị Mỹ	Lệ		1973	Tiến sĩ	15.110	3	5.08			03/2013	15.110	4	5.42			03/2016	4	0.340	1,604,800	
66	Phạm Việt	Sơn	1959		Thạc sĩ	15.110	4	5.42			01/2013	15.110	5	5.76			01/2016	6	0.340	2,386,800	
67	Nguyễn Bá	Mùi	1956		Tiến sĩ	15.110	6	6.10			09/2012	15.110	7	6.44			03/2016	4	0.340	1,604,800	Kéo dài 6 tháng
68	Bùi Thế	Khuyh	1987		Thạc sĩ	15.111	1	2.34			01/2013	15.111	2	2.67			01/2016	6	0.330	2,316,600	
69	Vũ Tiến	Bình	1988		Đại học	15.111	1	2.34			04/2013	15.111	2	2.67			04/2016	3	0.330	1,178,100	
70	Nguyễn Bá	Hiếu	1988		Đại học	15.111	1	2.34			01/2013	15.111	2	2.67			01/2016	6	0.330	2,316,600	

STT	Họ đệm	Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc						Kết quả nâng bậc lương đợt 1 năm 2016						Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	- Ghi chú
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/ chức danh	Bậc trong ngạch/ chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/ chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau				
71	Ngô Đăng	Huỳnh	1983		Đại học	15.111	1	2.34			04/2013	15.111	2	2.67			04/2016	3	0.330	1,178,100	
72	Phạm Thị Lan	Hương		1985	Thạc sĩ	15.111	1	2.34			05/2013	15.111	2	2.67			05/2016	2	0.330	798,600	
73	Đồng Thanh	Mai		1988	Đại học	15.111	1	2.34			01/2013	15.111	2	2.67			01/2016	6	0.330	2,316,600	
74	Bùi Thị Khánh	Hòa		1989	Thạc sĩ	15.111	1	2.34			01/2013	15.111	2	2.67			01/2016	6	0.330	2,316,600	
75	Nguyễn Thị	Phương		1988	Đại học	15.111	1	2.34			01/2013	15.111	2	2.67			01/2016	6	0.330	2,316,600	
76	Bùi Văn	Quang	1988		Đại học	15.111	1	2.34			01/2013	15.111	2	2.67			01/2016	6	0.330	2,316,600	
77	Nguyễn Thanh	Phong	1986		Đại học	15.111	1	2.34			05/2013	15.111	2	2.67			05/2016	2	0.330	798,600	
78	Trần Thị Thu	Hiền		1989	Đại học	15.111	1	2.34			01/2013	15.111	2	2.67			01/2016	6	0.330	2,316,600	
79	Trần Thị Tuyết	Mai		1986	Đại học	15.111	1	2.34			01/2013	15.111	2	2.67			01/2016	6	0.330	2,316,600	
80	Nguyễn Mạnh	Tường	1982		Thạc sĩ	15.111	1	2.34			01/2013	15.111	2	2.67			01/2016	6	0.330	2,316,600	
81	Lê Ngọc	Ninh	1985		Thạc sĩ	15.111	1	2.34			05/2013	15.111	2	2.67			05/2016	2	0.330	798,600	
82	Phan Lê	Trang		1989	Thạc sĩ	15.111	1	2.34			01/2013	15.111	2	2.67			01/2016	6	0.330	2,316,600	
83	Hoàng Thị Mai	Anh		1989	Đại học	15.111	1	2.34			01/2013	15.111	2	2.67			01/2016	6	0.330	2,316,600	
84	Đặng Thị Hải	Yến		1988	Đại học	15.111	1	2.34			01/2013	15.111	2	2.67			01/2016	6	0.330	2,316,600	
85	Bùi Thị Hồng	Nhung		1988	Đại học	15.111	1	2.34			01/2013	15.111	2	2.67			01/2016	6	0.330	2,316,600	
86	Đoàn Thị Ngọc	Thúy		1989	Đại học	15.111	1	2.34			01/2013	15.111	2	2.67			01/2016	6	0.330	2,316,600	
87	Nguyễn Thị Thùy	Dung		1989	Thạc sĩ	15.111	1	2.34			01/2013	15.111	2	2.67			01/2016	6	0.330	2,316,600	
88	Lê Thanh	Hà		1989	Đại học	15.111	1	2.34			01/2013	15.111	2	2.67			01/2016	6	0.330	2,316,600	
89	Nguyễn Xuân	Hòa	1987		Thạc sĩ	15.111	1	2.34			01/2013	15.111	2	2.67			01/2016	6	0.330	2,316,600	
90	Cao Trường	Giang	1988		Đại học	15.111	1	2.34			01/2013	15.111	2	2.67			01/2016	6	0.330	2,316,600	
91	Bùi Ngọc	Tấn	1985		Thạc sĩ	15.111	2	2.67			02/2013	15.111	3	3.00			02/2016	5	0.330	1,937,100	
92	Nguyễn Thị Phương Dung			1983	Thạc sĩ	15.111	2	2.67			06/2013	15.111	3	3.00			06/2016	1	0.330	399,300	
93	Dương Thành	Huân	1985		Thạc sĩ	15.111	2	2.67			03/2013	15.111	3	3.00			03/2016	4	0.330	1,557,600	
94	Nguyễn Kim	Dung		1985	Thạc sĩ	15.111	2	2.67			06/2013	15.111	3	3.00			06/2016	1	0.330	399,300	
95	Ngô Quang	Ước	1983		Thạc sĩ	15.111	2	2.67			06/2013	15.111	3	3.00			06/2016	1	0.330	399,300	
96	Nguyễn Xuân	Hiếu	1985		Thạc sĩ	15.111	2	2.67			06/2013	15.111	3	3.00			06/2016	1	0.330	399,300	

STT	Họ đệm	Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc						Kết quả nâng bậc lương đợt 1 năm 2016						Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	— Ghi chú
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/ chức danh	Bậc trong ngạch/ chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/ chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau				
97	Đỗ Thị	Nhài		1984	Đại học	15.111	2	2.67			01/2013	15.111	3	3.00			01/2016	6	0.330	2,316,600	
98	Nguyễn Thị Ngọc	Thương		1985	Thạc sĩ	15.111	2	2.67			02/2013	15.111	3	3.00			02/2016	5	0.330	1,937,100	
99	Hồ Ngọc	Cường	1983		Thạc sĩ	15.111	2	2.67			01/2013	15.111	3	3.00			01/2016	6	0.330	2,316,600	
100	Phạm Hương	Lan		1985	Đại học	15.111	2	2.67			04/2013	15.111	3	3.00			04/2016	3	0.330	1,178,100	
101	Nguyễn Thị Hồng	Chiên		1983	Thạc sĩ	15.111	2	2.67			05/2013	15.111	3	3.00			05/2016	2	0.330	798,600	
102	Nguyễn Văn	Phương	1983		Thạc sĩ	15.111	2	2.67			02/2013	15.111	3	3.00			02/2016	5	0.330	1,937,100	
103	Nguyễn Thành	Trung	1985		Thạc sĩ	15.111	2	2.67			02/2013	15.111	3	3.00			02/2016	5	0.330	1,937,100	
104	Nguyễn Văn	Điệp	1983		Thạc sĩ	15.111	2	2.67			02/2013	15.111	3	3.00			02/2016	5	0.330	1,937,100	
105	Ngô Minh	Hà	1985		Thạc sĩ	15.111	2	2.67			02/2013	15.111	3	3.00			02/2016	5	0.330	1,937,100	
106	Vũ Thị Thu	Trà		1984	Thạc sĩ	15.111	2	2.67			06/2013	15.111	3	3.00			06/2016	1	0.330	399,300	
107	Đồng Văn	Hiếu	1984		Thạc sĩ	15.111	2	2.67			05/2013	15.111	3	3.00			05/2016	2	0.330	798,600	
108	Trần Trung	Dũng	1986		Thạc sĩ	15.111	2	2.67			02/2013	15.111	3	3.00			02/2016	5	0.330	1,937,100	
109	Nguyễn Thị	Thanh		1985	Thạc sĩ	15.111	2	2.67			03/2013	15.111	3	3.00			03/2016	4	0.330	1,557,600	
110	Vũ Thị	Lưu		1984	Thạc sĩ	15.111	2	2.67			02/2013	15.111	3	3.00			02/2016	5	0.330	1,937,100	
111	Nông Thị	Huệ		1986	Thạc sĩ	15.111	2	2.67			02/2013	15.111	3	3.00			02/2016	5	0.330	1,937,100	
112	Nguyễn Tố	Loan		1986	Thạc sĩ	15.111	2	2.67			02/2013	15.111	3	3.00			02/2016	5	0.330	1,937,100	
113	Nguyễn Thị Minh	Việt		1986	Thạc sĩ	15.111	2	2.67			02/2013	15.111	3	3.00			02/2016	5	0.330	1,937,100	
114	Trần Thị Hồng	Hạnh		1983	Thạc sĩ	15.111	2	2.67			02/2013	15.111	3	3.00			02/2016	5	0.330	1,937,100	
115	Lê Thị Thu	Hương		1986	Thạc sĩ	15.111	2	2.67			02/2013	15.111	3	3.00			02/2016	5	0.330	1,937,100	
116	Hán Thị Phương	Nga		1984	Thạc sĩ	15.111	2	2.67			01/2013	15.111	3	3.00			01/2016	6	0.330	2,316,600	
117	Trần Nguyên	Bằng	1982		Thạc sĩ	15.111	2	2.67			01/2013	15.111	3	3.00			01/2016	6	0.330	2,316,600	
118	Nguyễn Thị Thanh	Hồng		1982	Thạc sĩ	15.111	3	3.00			02/2013	15.111	4	3.33			02/2016	5	0.330	1,937,100	
119	Đinh Thị	Hiền		1982	Tiến sĩ	15.111	3	3.00			01/2013	15.111	4	3.33			01/2016	6	0.330	2,316,600	
120	Nguyễn Thị	Thảo		1981	Thạc sĩ	15.111	3	3.00			02/2013	15.111	4	3.33			02/2016	5	0.330	1,937,100	
121	Lê Thị Thanh	Hào		1982	Thạc sĩ	15.111	3	3.00			02/2013	15.111	4	3.33			02/2016	5	0.330	1,937,100	
122	Trần Thị Bình	Nguyên		1982	Thạc sĩ	15.111	3	3.00			02/2013	15.111	4	3.33			02/2016	5	0.330	1,937,100	

STT	Họ đệm Tên		Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc					Kết quả nâng bậc lương đợt 1 năm 2016						Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	Ghi chú	
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/ chức danh	Bậc trong ngạch/ chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/ chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu					Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau
123	Nguyễn Thế	Bình	1976		Tiến sĩ	15.111	3	3.00			10/2012	15.111	4	3.33		0	04/2016	3	0.330	1,178,100	Kéo dài 6 tháng
124	Lương Thị Minh	Châu		1978	Thạc sĩ	15.111	4	3.33			12/2012	15.111	5	3.66			06/2016	1	0.330	399,300	Kéo dài 6 tháng
125	Nguyễn Trọng	Kương	1981		Thạc sĩ	15.111	4	3.33			01/2013	15.111	5	3.66			01/2016	6	0.330	2,316,600	
126	Phan Thị	Thúy		1973	Tiến sĩ	15.111	4	3.33			06/2013	15.111	5	3.66			06/2016	1	0.330	399,300	
127	Trần Anh	Tuấn	1974		Tiến sĩ	15.111	5	3.66			03/2013	15.111	6	3.99			03/2016	4	0.330	1,557,600	
128	Nguyễn Thu	Hà		1980	Tiến sĩ	15.111	5	3.66			03/2013	15.111	6	3.99			03/2016	4	0.330	1,557,600	
129	Nguyễn Thị	Hiên		1977	Tiến sĩ	15.111	5	3.66			05/2013	15.111	6	3.99			05/2016	2	0.330	798,600	
130	Nguyễn Hữu	Khánh	1975		Tiến sĩ	15.111	5	3.66			03/2013	15.111	6	3.99			03/2016	4	0.330	1,557,600	
131	Tạ Quang	Giảng	1976		Thạc sĩ	15.111	5	3.66			05/2013	15.111	6	3.99			05/2016	2	0.330	798,600	
132	Ngô Trung	Thành	1977		Thạc sĩ	15.111	5	3.66			05/2013	15.111	6	3.99			05/2016	2	0.330	798,600	
133	Trần Thị Hà	Nghĩa		1975	Thạc sĩ	15.111	5	3.66			07/2012	15.111	6	3.99			01/2016	6	0.330	2,316,600	Kéo dài 6 tháng
134	Nguyễn Thị Lâm	Đoàn		1977	Tiến sĩ	15.111	5	3.66			05/2013	15.111	6	3.99			05/2016	2	0.330	798,600	
135	Nguyễn Đức	Doan	1975		Tiến sĩ	15.111	5	3.66			05/2013	15.111	6	3.99			05/2016	2	0.330	798,600	
136	Trần Thị Thu	Huyền		1977	Thạc sĩ	15.111	5	3.66			05/2013	15.111	6	3.99			05/2016	2	0.330	798,600	
137	Nguyễn Hoàng	Huy	1979		Tiến sĩ	15.111	5	3.66			02/2013	15.111	6	3.99			02/2016	5	0.330	1,937,100	
138	Nguyễn Anh	Trụ	1978		Thạc sĩ	15.111	5	3.66			05/2013	15.111	6	3.99			05/2016	2	0.330	798,600	
139	Phạm Văn	Hội	1973		Tiến sĩ	15.111	5	3.66			04/2013	15.111	6	3.99			04/2016	3	0.330	1,178,100	
140	Phạm Kim	Đặng	1972		Tiến sĩ	15.111	6	3.99			04/2013	15.111	7	4.32			04/2016	3	0.330	1,178,100	
141	Nguyễn Xuân	Thiết	1975		Tiến sĩ	15.111	6	3.99			05/2013	15.111	7	4.32			05/2016	2	0.330	798,600	
142	Nguyễn Viêt	Đặng	1975		Tiến sĩ	15.111	6	3.99			05/2013	15.111	7	4.32			05/2016	2	0.330	798,600	
143	Trần Nguyễn	Hà	1975		Tiến sĩ	15.111	6	3.99			05/2013	15.111	7	4.32			05/2016	2	0.330	798,600	
144	Nguyễn Thị	Thùy		1973	Tiến sĩ	15.111	6	3.99			05/2013	15.111	7	4.32			05/2016	2	0.330	798,600	
145	Đỗ Quang	Giám	1972		Tiến sĩ	15.111	6	3.99			04/2013	15.111	7	4.32			04/2016	3	0.330	1,178,100	
146	Nguyễn Thị Bích	Thùy		1972	Tiến sĩ	15.111	6	3.99			04/2013	15.111	7	4.32			04/2016	3	0.330	1,178,100	
147	Lê Vũ	Quân	1973		Tiến sĩ	15.111	6	3.99			05/2013	15.111	7	4.32			05/2016	2	0.330	798,600	
148	Phạm Hồng	Thái	1966		Tiến sĩ	15.111	7	4.32			06/2013	15.111	8	4.65			06/2016	1	0.330	399,300	

STT	Họ đệm	Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc						Kết quả nâng bậc lương đợt 1 năm 2016						Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/ chức danh	Bậc trong ngạch/ chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/ chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau				
II Viên chức và người lao động được tính hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung																					
149	Bùi Trung	Sơn	1964		Trung cấp	01.004	12	4.06	7%		03/2015	01.004	12	4.06	8%		03/2016	4	0.041	191,632	
150	Phạm Văn	Tuyển	1965			01.011	12	3.48	9%		06/2015	01.011	12	3.48	10%		06/2016	1	0.035	42,108	
151	Nguyễn Văn	Lơ	1961		Đại học	13.095	9	4.98			01/2013	13.095	9	4.98	5%		01/2016	6	0.249	1,747,980	
152	Trần Thị	Huệ		1965	Trung cấp	13.096	12	4.06			01/2014	13.096	12	4.06	5%		01/2016	6	0.203	1,425,060	
153	Dương Văn	Sáng	1964		Trung cấp	13.096	12	4.06	8%		01/2015	13.096	12	4.06	9%		01/2016	6	0.041	285,012	
154	Nguyễn Ngọc	Sơn	1957		Trung cấp	13.096	12	4.06	10%		01/2015	13.096	12	4.06	11%		01/2016	6	0.041	285,012	
155	Đinh Văn	Chinh	1954		Tiến sĩ	15.110	8	6.78	5%		06/2015	15.110	8	6.78	6%		06/2016	1	0.068	82,038	
156	Vũ Văn	Liết	1954		Tiến sĩ	15.110	8	6.78	6%		04/2015	15.110	8	6.78	7%		04/2016	3	0.068	242,046	
157	Nguyễn Duy	Bình	1954		Tiến sĩ	15.111	9	4.98			01/2013	15.111	9	4.98	5%		01/2016	6	0.249	1,747,980	

Trong danh sách này có: 157 người

- Nâng bậc lương thường xuyên:

148 người

- Tính hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung:

9 người

